

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-PT
Ngày 10 - 01 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị YẾN - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2019/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con và chia tài sản khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2019/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Ngọc V, sinh năm 1985, (có mặt)

Đăng ký HKTT: phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: Ấp C, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Lâm Bé T, sinh năm 1985, (có mặt)

Nơi đăng ký HKTT: phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở hiện nay: phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Lương Ngọc V.

- Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Lương Ngọc V ngày 12/11/2018 và lời khai của chị V, anh Lâm Bé T trong quá trình tố tụng thể hiện:

Về hôn nhân: Chị Lương Ngọc V và anh Lâm Bé T thống nhất xác định anh chị chung sống với nhau vào năm 2012, có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/08/2012. Anh chị không còn sống chung từ năm 2013 đến nay.

Nguyên nhân ly hôn theo chị V xác định, trong thời gian chung sống vợ chồng không hợp nhau, thường xảy ra bất đồng, cuộc sống chung không êm ấm, hạnh phúc, nên khi sinh con chị về nhà của chị ruột chị ở thì anh T không quan tâm, chăm sóc mẹ con chị, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, không còn sự yêu thương chăm lo từ anh T, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên chị xin được ly hôn, còn theo anh T xác định sau khi chung sống với nhau vợ chồng không hợp nhau, thường xảy ra mâu thuẫn, trong thời gian chị V sinh con anh cũng có tới lui thăm chị V và thăm con, nhưng do không hợp tính nhau nên cuộc sống chung không có hạnh phúc, nay anh cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị V.

Về con chung anh chị thống nhất xác định: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Lương Th, sinh ngày 26/03/2013 hiện cháu Th đang sống với chị V, khi ly hôn chị V yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T cũng có yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung vợ chồng: Chị V và anh T thống nhất xác định, tài sản chung vợ chồng là căn nhà, phần đất và các máy vi tính dùng để kinh doanh trò chơi game tại địa chỉ: phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu. Nguồn gốc nhà, đất do vợ chồng nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn C và vợ tên Phan Kim H, hiện nay vợ chồng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Nay anh chị thống nhất xác định tổng giá trị tài sản chung vợ chồng là 300.000.000 đồng. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận anh T được quyền quản lý, sử dụng nhà đất và sở hữu toàn bộ máy vi tính của tiệm internet và hoàn lại cho chị V số tiền 150.000.000 đồng. Anh chị không có nợ ai và cũng không có ai nợ anh chị.

Từ những nội dung trên, tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 84, Điều 85, Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Ngọc V và anh Lâm Bé T.

2. Về nuôi con chung: Không chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị Lương Ngọc V, chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh Lâm Bé T.

Buộc chị Lương Ngọc V có nghĩa vụ giao cháu Lâm Lương Th, sinh ngày 26/3/2013 cho anh Lâm Bé T nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu Th tròn 18 tuổi.

Do anh T không có yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi cháu Th, nên tạm miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị V. Chị V không trực tiếp nuôi con nhưng chị V được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Lương Ngọc V và anh Lâm Bé T về việc phân chia tài sản chung cụ thể như sau:

Anh Lâm Bé T được quyền quản lý và sở hữu nhà và đất địa chỉ, phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cùng với tiệm internet trị giá 150.000.000 đồng.

Anh T có nghĩa vụ giao trả cho chị Lương Ngọc V $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất địa chỉ phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu và tiệm internet trị giá 150.000.000 đồng.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí chia tài sản: Chị Lương Ngọc V phải chịu với số tiền 300.000 đồng và án phí chia tài sản là 7.500.000 đồng. Chị V đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí 4.050.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0012600 ngày 05 tháng 12 năm 2018 và 0012818 ngày 03/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, được chuyển sang thu án phí. Chị V còn phải nộp thêm tiền án phí là 3.750.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã G. Anh Lâm Bé T có nghĩa vụ chịu tiền án phí chia tài sản là 7.500.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, nguyên đơn chị Lương Ngọc V kháng cáo yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh Lâm Bé T cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa phúc thẩm chị V vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu kháng nghị một phần Bản án sơ thẩm về việc giao con cho anh T nuôi dưỡng và án phí chia tài sản chung. Tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến và đề xuất giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký từ khi thụ lý tới thời điểm này thấy rằng: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Trong thời gian anh chị không sống chung, chị V là người trực tiếp nuôi con đến nay cháu Th vẫn phát triển bình thường, vẫn được đi học

và hiện nay chị V vẫn đủ các điều kiện để nuôi con, việc giao con cho anh T nuôi dưỡng sẽ làm xáo trộn môi trường sống của cháu, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần của cháu, nên cần tiếp tục giao cháu Th cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về phần án phí chia tài sản chung, tại biên bản giao nộp và công khai chứng cứ và viên bản hòa giải lập ngày 03/4/2019 thể hiện, chị V và anh T đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung vợ chồng, anh chị không có tranh chấp về tài chung nên không phải chịu án phí chia tài sản theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của chị Lương Ngọc V và toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã G, theo hướng giao cháu Lâm Lương Th cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; anh T và chị V không phải chịu án phí chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G về quan hệ hôn nhân, anh chị không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Xét kháng cáo của chị Lương Ngọc V về quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung cũng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc con chung của anh chị. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 23/8/2019, cháu Lâm Lương Th, sinh ngày 26/3/2013 chưa được 07 tuổi, nên không hỏi ý kiến của cháu Th về nguyện vọng sống với chị V hay anh T. Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, chị V và anh T không thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con, nên Tòa án quyết định. Tuy nhiên, việc giao con cho chị V hay anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phải căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng và phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho người được nuôi dưỡng.

[3.1] Xét về điều kiện nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy anh T và chị V đều có đủ các điều kiện để nuôi con, không ai bị hạn chế quyền nuôi con theo quy định tại Điều 85 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Xét về thời gian nuôi con trước khi chị V có đơn xin ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian anh T và chị V không sống chung thì phần lớn thời gian chị V là người trực tiếp nuôi con, trong thời gian chị V nuôi con, cháu Th vẫn phát triển bình thường, vẫn được đi học như bao đứa trẻ khác, chị V không bắt buộc cháu Th phải làm những việc không phù hợp với lứa tuổi của cháu. Tuy nhiên, trong thời gian chị V đi học nghiệp vụ tại Thành phố Cần Thơ, anh T cũng có chăm sóc, đưa đón cháu Th đi học thay cho chị V, khi chị V về thì chị V vẫn là người trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu Th.

[3.3] Xét điều kiện kinh tế, anh T và chị V đều có thu nhập ổn định. Chị V hiện là viên chức công tác tại Bệnh viện đa khoa thị xã G, có trình độ cử nhân điều dưỡng và có thu nhập ổn định, theo bảng lương tháng 12/2019 thể hiện thu nhập của chị V mỗi tháng 5.132.603 đồng, có tài sản là đất nuôi trồng thủy sản được cha mẹ cho riêng để cho thuê tạo thêm thu nhập; còn thu nhập của anh T từ tiệm internet mỗi tháng khoảng từ 12.000.000 đến 15.000.000 đồng, nhưng mức thu nhập này không ổn định mà phụ thuộc vào lượng khách đến tiệm internet mỗi tháng. Tuy nhiên, để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì ngoài điều kiện kinh tế thì đòi hỏi điều kiện về thời gian, về độ tuổi và giới tính của trẻ. Xét thấy, cháu Th là con gái ở độ tuổi học mầm non, cần đến sự chăm sóc, giúp đỡ nhiều hơn từ người mẹ và trong thời gian anh chị không sống chung, chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, tình cảm mẹ con khấn khít, nên việc thay đổi người nuôi con là thay đổi môi trường sống của cháu, sẽ có ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển về thể chất lẫn tinh thần của cháu, nên việc tiếp tục giao cháu Th cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sẽ phù hợp hơn giao cho anh T, khi quyết định việc giao con cho người có trách nhiệm nuôi dưỡng, cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào thu nhập của anh T mà không xem xét các điều kiện khác là chưa xem xét toàn diện, đầy đủ các điều kiện để đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu Th, làm xáo trộn môi trường sống, ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của cháu, nên cần chấp nhận kháng cáo của chị V cũng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa phần này của án sơ thẩm giao cháu Th cho chị V tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[4] Trong thời gian chị Lương Ngọc V trực tiếp nuôi cháu Lâm Lương Th, anh Lâm Bé T có căn cứ cho rằng chị V không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th thì anh T có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp anh Lâm Bé T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Th thì chị Lương Ngọc V quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về án phí chia tài sản có giá ngạch: Hội đồng xét xử xét thấy, tại Biên bản kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận công khai chứng cứ lập lúc 08 giờ 10 phút ngày 03/4/2019, đơn khởi kiện bổ sung thể hiện chị V yêu cầu được chia tài sản chung số tiền 150.000.000đ và tại Biên bản hòa giải lập lúc 08 giờ 45 phút thể hiện anh chị đã thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung trước khi Tòa án tiến hành hòa giải, nên căn cứ điểm d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì anh T, chị V không phải chịu án phí chia tài sản chung, cấp sơ thẩm buộc chị V, anh T mỗi người phải chịu 7.500.000đ án phí chia tài sản chung là chưa đúng quy định pháp luật, nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận, sửa phần này của án sơ thẩm.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm chị Lương Ngọc V không phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Các phần Quyết định khác của Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 51/2019/HNGĐ-ST ngày ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, 56, 81, 82, 84, 85, 86 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các điểm a, d khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của chị Lương Ngọc V và toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án hôn nhân và gia đình số 51/2019/HNGĐ-ST ngày ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lương Ngọc V, sinh năm 1985 và anh Lâm Bé T, sinh năm 1985.

2. Về con chung: Giao cháu Lâm Lương Th, sinh ngày 26/3/2013 cho chị Lương Ngọc V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Anh Lâm Bé T có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Lâm Lương Th mà không ai được quyền cản trở.

- Trường hợp anh Lâm Bé T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Lương Ngọc V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

- Anh Lâm Bé T có quyền thay đổi việc nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chị Lương Ngọc V không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa chị Lương Ngọc V và anh Lâm Bé T.

3.1. Giao cho anh Lâm Bé T được tiếp tục quản lý, sử dụng phần đất và căn nhà địa chỉ phường H, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cùng các máy vi tính trong tiệm Internet tại địa chỉ trên.

3.2. Buộc anh Lâm Bé T có nghĩa vụ giao trả cho chị Lương Ngọc V $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung vợ chồng bằng số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng).

3.3. Anh Lâm Bé T có quyền liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn lại phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí chia tài sản và án phí dân sự phúc thẩm:

5.1. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lương Ngọc V phải chịu 300.000 đồng, chị Lương Ngọc V đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0012600 ngày 05/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5.2. Án phí chia tài sản chung: Anh Lâm Bé T và chị Lương Ngọc V không phải chịu, chị Lương Ngọc V đã nộp tạm ứng án phí chia tài sản số tiền 3.750.000đ theo biên lai thu số 0012818 ngày 03/4/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

5.3. Án phí phúc thẩm dân sự chị Lương Ngọc V không phải chịu, chị Lương Ngọc V đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ, theo biên lai thu số 0001194 ngày 06/9/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. HCM
- VKSND tỉnh Bạc Liêu,
- TAND thị xã G,
- CCTHA thị xã G,
- Các đương sự,
- Lưu HS; HCTP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn